

Bản án số: 69/2019/LĐ-ST

Ngày: 08/10/2019

V/v Tranh chấp đơn phương chấm
dứt hợp đồng lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN M – THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Nguyễn Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Lợi

2. Bà Nguyễn Thị Linh Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Bé Thị Phụng - Thư ký Toà án nhân dân Quận M.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận M tham gia phiên tòa: Bà Trần Lê Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 10 năm 2019 tại phòng xử án Toà án nhân dân Quận M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 141/2018/TLST-LĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3489/2019/QĐXXST-LĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4506/2019/QĐST-LĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Mai P, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu phố H, Phường C, thành phố T, tỉnh Y.

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần V

Địa chỉ trụ sở: 12 đường N, phường B, Quận M, Thành phố H.

Địa chỉ hoạt động: 602/45G đường P, Phường H, quận T, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Phạm Thị Quỳnh N, sinh năm 1985

Địa chỉ: 31/8/7B đường B, phường C, quận Đ, Thành phố H. (Giấy ủy quyền ngày 11 tháng 9 năm 2018).

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Đại diện bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện; bản khai; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải; nguyên đơn bà Ngô Mai P trình bày:*

Ngày 06/11/2017 bà Ngô Mai P được Công ty Cổ phần V (sau đây gọi là Công ty) nhận vào thử việc theo Biên bản thỏa thuận làm việc số 0168/TTTV-17 ngày 06/11/2017 với thời hạn thử việc 02 tháng, từ ngày 06/11/2017 đến 06/01/2018. Khi hết hạn thử việc, bà và Công ty ký Hợp đồng lao động số 001/2018/HĐLĐ ngày

07/01/2018 có thời hạn 01 năm từ ngày 07/01/2018 đến ngày 07/01/2019 với chức danh Thư ký kinh doanh, mức lương 6.000.000 đồng/tháng, tiền ăn trưa 20.000 đồng/ngày, thời gian làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7.

Trong thời gian làm việc, bà luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên ngày 14/3/2018, bà nhận được điện thoại của người quản lý trực tiếp báo là không đạt yêu cầu nên Công ty chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn. Bà vẫn tiếp tục làm việc. Đến ngày 17/3/2018 bà nhận được Quyết định số 002/2018/QĐ ngày 17/3/2018 về việc cho người lao động thôi việc của Công ty cho bà thôi việc không lý do từ ngày 19/3/2018 và yêu cầu bà ngưng ngay công việc trong ngày. Việc Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với bà mà không có lý do chính đáng và vi phạm thời gian báo trước là trái pháp luật. Ngoài ra Công ty không đóng bảo hiểm cho bà theo quy định. Từ ngày 17/3/2018 đến nay Công ty không thanh toán lương cho bà nữa.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Tuyên bố Công ty Cổ phần V đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà Ngô Mai P trái pháp luật.

Hủy Quyết định số 002/2018/QĐ ngày 17/3/2018 về việc cho người lao động thôi việc của Công ty V đối với bà Ngô Mai P.

Buộc Công ty Cổ phần V bồi thường cho bà Ngô Mai P những khoản tiền sau:

- Tiền lương trong những ngày không được làm việc từ ngày 17/3/2018 đến ngày 07/01/2019 là: 6.000.000 đồng/tháng x 9 tháng 21 ngày là 59.250.000 đồng.

- Bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là: 6.000.000 đồng/tháng x 2 tháng là 12.000.000 đồng.

- Bồi thường khoản tiền tương ứng với tiền lương do vi phạm thời hạn báo trước là: 6.000.000 đồng/tháng x 28 ngày = 7.000.000 đồng.

- Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà Ngô Mai P từ ngày 07/01/2018 đến 07/01/2019 và chốt sổ, trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà Phương theo quy định pháp luật.

Tổng cộng số tiền Công ty phải thanh toán cho bà Ngô Mai P là 78.250.000 (bảy mươi tám triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Yêu cầu thanh toán 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Tại bản khai; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải bị đơn Công ty V có bà Phạm Thị Quỳnh N là người đại diện hợp pháp trình bày:*

Công ty Cổ phần V (sau đây gọi là Công ty) xác nhận giữa Công ty và bà Ngô Mai P có giao kết Biên bản thỏa thuận làm việc số 0168/TTTV-17 ngày 06/11/2017 với thời hạn thử việc 02 tháng từ ngày 06/11/2017 đến ngày 06/01/2018. Sau đó Công ty và bà P giao kết Hợp đồng lao động số 001/2018/HĐLD ngày 07/01/2018 có thời hạn 01 năm từ ngày 07/01/2018 đến ngày 07/01/2019 với chức danh Thư ký kinh doanh, mức lương 6.000.000 đồng/tháng, tiền cơm 20.000 đồng/ngày, làm việc 1 tháng 24 ngày.

Trong quá trình làm việc từ tháng 01/2018 đến tháng 03/2018, bà P nhiều lần không hoàn thành công việc được giao, do đó Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với bà P theo Quyết định về việc cho người lao động thôi việc số 002/2018/QĐ ngày

17/3/2018. Công ty sẽ cung cấp chứng cứ sau về việc bà P không hoàn thành nhiệm vụ. Về bảo hiểm xã hội của bà P, đại diện bị đơn chưa có thông tin, sẽ trình bày sau. Bà P cho rằng Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà P trái pháp luật là không có cơ sở. Công ty không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà P, đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Sau khi nộp bản khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 20/9/2018, bà Phạm Thị Quỳnh N là đại diện bị đơn không tiếp tục có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và không nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập; Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho Công ty Cổ phần V và bà Phạm Thị Quỳnh N là đại diện bị đơn nhưng bà N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận M phát biểu ý kiến:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Tuy nhiên vụ án được đưa ra xét xử còn chậm, vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử cần khắc phục. Đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện Công ty Cổ phần V (sau đây gọi là Công ty) và bà Ngô Mai P có xác lập Hợp đồng lao động số 001/2018/HĐLĐ ngày 07/01/2018 có thời hạn 01 năm từ ngày 07/01/2018 đến 07/01/2019 với chức danh Thư ký kinh doanh, mức lương 6.000.000 đồng/tháng. Đến ngày 17/3/2018 Công ty ban hành Quyết định số 002/2018/QĐ ngày 17/3/2018 về việc cho người lao động thôi việc đối với bà Ngô Mai P không lý do. Người đại diện của Công ty trình bày do bà P nhiều lần không hoàn thành công việc được giao, tuy nhiên không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào thể hiện bà P không hoàn thành nhiệm vụ. Như vậy, lý do Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà P không phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Lao động. Vì vậy xác định Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với bà P và có nghĩa vụ bồi thường các khoản tiền theo quy định pháp luật. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp lao động cá nhân giữa người lao động với người sử dụng lao động. Bị đơn Công ty Cổ phần V có địa chỉ trụ sở tại Quận M. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32; Điểm c khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39

của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố H.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Ngô Mai P và Công ty Cổ phần V (sau đây gọi tắt là Công ty) xác lập Hợp đồng lao động số 001/2018/HĐLD ngày 07/01/2018 có thời hạn 01 năm từ ngày 07/01/2018 đến 07/01/2019 với chức danh Thư ký kinh doanh, mức lương 6.000.000 (sáu triệu) đồng/tháng, thời gian làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7. Hợp đồng được hai bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật về giao kết hợp đồng lao động nên hợp đồng có giá trị pháp lý ràng buộc quyền và nghĩa vụ giữa hai bên.

Xét Quyết định số 002/2018/QĐ ngày 17/3/2018 về việc cho người lao động thôi việc (sau đây gọi tắt là Quyết định số 002) của Công ty V đối với bà P với nội dung: “Căn cứ vào Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty; Căn cứ vào quyền hạn và chức vụ của Tổng giám đốc Công ty; Căn cứ tình hình thực tế; Nay quyết định cho bà Ngô Mai P, chức danh: Chăm sóc khách hàng, được thôi việc tại Công ty V từ ngày 19/3/2018”.

Hội đồng xét xử nhận thấy Quyết định số 002 của Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với bà P không thể hiện lý do. Đại diện bị đơn cho rằng trong quá trình làm việc từ tháng 01/2018 đến tháng 03/2018 bà P nhiều lần không hoàn thành công việc được giao nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào thể hiện bà P thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động: “Người sử dụng lao động phải quy định cụ thể tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc trong quy chế của doanh nghiệp, làm cơ sở đánh giá người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động. Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ do người sử dụng lao động ban hành sau khi có ý kiến của tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở”.

Như vậy Công ty đã không xây dựng quy chế đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo quy định pháp luật, không quy định cụ thể tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc trong quy chế của doanh nghiệp để làm cơ sở đánh giá người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động.

Hội đồng xét xử xét thấy việc Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với bà P không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ, do đó có cơ sở xác định Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với bà P theo quy định tại Điều 41 của Bộ luật Lao động năm 2012.

Vì vậy bà P yêu cầu Tòa án tuyên Công ty V đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà P trái pháp luật là có cơ sở chấp nhận. Do đó, hủy Quyết định số

002/2018/QĐ ngày 17/3/2018 về việc cho người lao động thôi việc của Công ty V đối với bà Ngô Mai P.

Do Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà P trái pháp luật nên có nghĩa vụ trả tiền lương trong những ngày người lao động không được làm việc, bồi thường 2 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động và bồi thường khoản tiền tương ứng với tiền lương của người lao động trong những ngày không báo trước theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Lao động năm 2012.

Căn cứ Hợp đồng lao động do nguyên đơn cung cấp thể hiện mức lương của bà P là 6.000.000 (sáu triệu) đồng/tháng. Bà Phương yêu cầu Tòa án áp dụng mức lương 6.000.000 (sáu triệu) đồng/tháng làm căn cứ tính tiền bồi thường là phù hợp theo quy định tại Điều 90 của Bộ luật Lao động năm 2012 và hướng dẫn tại Điều 21 của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ, nên chấp nhận.

Hợp đồng lao động giữa bà P và Công ty là hợp đồng lao động xác định thời hạn từ ngày 07/01/2018 đến ngày 07/01/2019, Công ty không thanh toán lương cho bà P từ ngày 17/3/2018, do đó chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán lương trong những ngày không được làm việc từ ngày 17/3/2018 đến ngày 07/01/2019 (ngày kết thúc hợp đồng lao động) là 9 tháng 21 ngày:

$$6.000.000 \text{ đồng/tháng} \times 9 \text{ tháng} 21 \text{ ngày} = 59.250.000 \text{ đồng (1)}$$

Công ty có trách nhiệm thanh toán thêm 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là:

$$6.000.000 \text{ đồng/tháng} \times 2 \text{ tháng} = 12.000.000 \text{ đồng (2)}$$

Công ty ban hành Quyết định số 002/2018/QĐ ngày 17/3/2018, nội dung quyết định cho bà P thôi việc từ ngày 19/3/2018. Do đó Công ty vi phạm thời hạn báo trước là 28 ngày theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 37 của Bộ luật lao động là:

$$6.000.000 \text{ đồng/tháng} \times 28 \text{ ngày} = 7.000.000 \text{ đồng (3)}$$

Tổng cộng Công ty có trách nhiệm thanh toán cho bà P số tiền là:

$$(1) + (2) + (3) = 59.250.000 \text{ đồng} + 12.000.000 \text{ đồng} + 7.000.000 \text{ đồng} = 78.250.000 \text{ đồng.}$$

Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của Công ty đối với bà P:

Theo công văn số 1208/BHXXH-QLT ngày 04/6/2019 của Bảo hiểm xã hội Thành phố H thì đến nay Công ty V chưa tham gia đóng bảo hiểm cho bà P.

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 2; Khoản 1 Điều 19; Khoản 2 Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là loại hình bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người lao động vào quỹ Bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động đã ký kết. Do Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà P trái pháp luật, căn cứ khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Lao động năm 2012, Công ty có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà P và chốt sổ, trả sổ bảo hiểm xã hội với thời gian đóng từ ngày 07/01/2018 đến 07/01/2019 (ngày kết thúc hợp đồng lao động) theo quy định pháp luật. Đồng thời, bà P phải cùng có trách nhiệm đóng phần

bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật đối với người lao động.

Do đó chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Hợp đồng lao động xác định thời hạn số 001/2018/HDLĐ ngày 07/01/2018 giữa bà Ngô Mai P và Công ty V chấm dứt từ ngày 07/01/2019.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.347.500 đồng đối với số tiền phải thanh toán do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật và 464.400 đồng án phí đối với yêu cầu đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; Tổng cộng bị đơn chịu án phí là 2.811.900 (hai triệu, tám trăm mười một nghìn, chín trăm) đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 1 Điều 32; Điểm c khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 41; Khoản 1, khoản 5 Điều 42; Điều 90 của Bộ luật lao động năm 2012;

- Điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 2; Khoản 1 Điều 19; Khoản 2 Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Khoản 1 Điều 12; Điều 21 của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động;

- Luật Thi hành án dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Mai P:

Tuyên bố Công ty Cổ phần V đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà Ngô Mai P là trái pháp luật.

Hủy Quyết định số 002/2018/QĐ ngày 17/3/2018 về việc cho người lao động thôi việc của Công ty V đối với bà Ngô Mai P.

Buộc Công ty Cổ phần V phải trả cho bà Ngô Mai P số tiền tổng cộng là 78.250.000 (bảy mươi tám triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng, trong đó bao gồm: Tiền lương trong những ngày không được làm việc từ ngày 17/3/2018 đến ngày 07/01/2019 là 59.250.000 đồng; Bồi thường 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật là 12.000.000 đồng; Bồi thường khoản tiền tương ứng với tiền lương do vi phạm thời hạn báo trước là 7.000.000 đồng.

Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc Công ty Cổ phần V (là người sử dụng lao động) và bà Ngô Mai P (là người lao động) phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà Ngô Mai P và chốt sổ, trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà Ngô Mai P với thời gian đóng từ ngày 07/01/2018 đến ngày 07/01/2019 theo quy định pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà Ngô Mai P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần V chưa thanh toán số tiền trên thì hàng tháng Công ty Cổ phần V còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Hợp đồng lao động xác định thời hạn số 001/2018/HĐLĐ ngày 07/01/2018 giữa bà Ngô Mai P và Công ty Cổ phần V chấm dứt từ ngày 07/01/2019.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Cổ phần V chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.811.900 (hai triệu, tám trăm mười một nghìn, chín trăm) đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Quận M;
- Chi cục THADS Quận M;
- Đường sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

Đỗ Nguyễn Mai Phương